

Số: 09 /2024/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 16 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 543/TTr-VPUB ngày 25/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 / 5 /2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - BTP;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (V, TP).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5
năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An; trách nhiệm cung cấp thông tin, nhập số liệu, tổng hợp, các chế độ báo cáo điện tử để phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An.

2. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được giao thực hiện (quản trị, nhập số liệu, tổng hợp, ký duyệt) báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là Hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo từ các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, quản lý thông tin trên môi trường mạng và các nội dung đã được phê duyệt trong hồ sơ cấp độ an toàn thông tin của Hệ thống.

2. Hệ thống vận hành phải đảm bảo liên thông, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và có khả năng tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, địa phương khác; có khả năng chia sẻ, tích hợp dữ liệu với các Hệ thống thông tin khác, đảm bảo tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nghệ An và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin, cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi giữa các hệ thống thông tin.

3. Bảo đảm cung cấp số liệu kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các số liệu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất giữa các ngành, đơn vị, địa phương về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG

Điều 5. Cơ quan chủ quản, cơ quan vận hành, đơn vị sử dụng Hệ thống

1. Cơ quan chủ quản của Hệ thống là Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An uỷ quyền cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm của chủ quản Hệ thống, đảm bảo Hệ thống hoạt động thường xuyên, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Thời hạn uỷ quyền: Trong thời hạn thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chấm dứt uỷ quyền trước thời hạn hoặc các trường hợp bất khả kháng khác.

3. Cơ quan vận hành Hệ thống là đơn vị cung cấp (cho thuê) phần mềm Hệ thống; có trách nhiệm thực thi, triển khai các công việc, nhiệm vụ do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao; có trách nhiệm thường trực đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống trong suốt thời gian Hệ thống được cung cấp (được thuê) theo trình tự, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

4. Đơn vị sử dụng là các cơ quan, đơn vị nêu tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

Điều 6. Tên miền truy cập và các danh mục quản lý của Hệ thống

1. Hệ thống có địa chỉ truy cập tại địa chỉ: <https://baocao.nghean.gov.vn>.
2. Danh mục quản lý của Hệ thống có một số chức năng chủ yếu như sau:
 - Quản lý danh mục cơ quan, đơn vị;
 - Quản lý danh mục báo cáo;
 - Quản lý người dùng;
 - Giao báo cáo;
 - Nhập liệu, tổng hợp báo cáo;
 - Duyệt báo cáo;
 - Thống kê, theo dõi trạng thái báo cáo;
 - Trích xuất số liệu, thiết lập hiển thị dashboard;
 - Các tiện ích, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý các tài khoản và phân quyền

1. Các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 2 Quy chế này được cấp tài khoản và phân quyền để truy cập, cung cấp và khai thác dữ liệu trên Hệ thống.

Các tài khoản được phân thành 02 loại thông qua cơ chế phân quyền cho các tài khoản: Tài khoản quản trị và tài khoản người dùng.

2. Tài khoản quản trị được cấp cho 01 (một) cán bộ, công chức, viên chức thuộc các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo danh sách đã đăng ký với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Cán bộ, công chức, viên chức này có trách nhiệm làm đầu mối hỗ trợ, theo dõi tình hình sử dụng Hệ thống của cơ quan, đơn vị, địa phương; chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức sử dụng Hệ thống.

3. Tài khoản người dùng là tài khoản được cán bộ, công chức, viên chức được giao tài khoản quản trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương phân quyền (nhập liệu, tổng hợp, duyệt báo cáo, gửi báo cáo) căn cứ vào danh sách đăng ký với thủ trưởng cơ quan đó. Mỗi người được phân quyền khác nhau tùy theo từng báo cáo, vị trí, chức năng, nhiệm vụ được giao và chỉ cần một lần phân quyền duy nhất trong suốt quá trình sử dụng Hệ thống. Tài khoản nhập liệu, tổng hợp được phân quyền cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thống kê, nhập hoặc tổng hợp số liệu. Tài khoản duyệt báo cáo được phân quyền đối với trường hợp là lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn lập danh sách cán bộ, công chức đăng ký tài khoản người dùng của Hệ thống, gửi cán bộ, công chức, viên chức được giao tài khoản quản trị của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để được phân quyền trong Hệ thống trước khi đăng nhập, sử dụng.

Điều 8. Thiết lập báo cáo trên Hệ thống

1. Trên cơ sở danh mục báo cáo định kỳ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố hoặc theo yêu cầu, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các báo cáo đột xuất, chuyên đề, các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xây dựng đề cương, biểu mẫu báo cáo để phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cơ quan vận hành Hệ thống cập nhật, cấu hình trên Hệ thống.

2. Các loại chế độ báo cáo được thiết lập trên Hệ thống bao gồm:

a) Các chế độ báo cáo do Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương yêu cầu thực hiện trên Hệ thống.

b) Các chế độ báo cáo định kỳ được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố

Việc thiết lập các báo cáo định kỳ phải tuân theo các quy định tại Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

c) Các chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Việc giao báo cáo cho cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện báo cáo phải tuân thủ các quy định về chế độ báo cáo hoặc theo chức năng quản lý nhà nước; thời điểm giao báo cáo phải đảm bảo tối thiểu 72 giờ trước thời hạn yêu cầu gửi báo cáo được quy định, trừ chế độ báo cáo đột xuất của tỉnh hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương.

Điều 9. Thời gian chốt số liệu, thời hạn gửi báo cáo

1. Các báo cáo do Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương yêu cầu: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ, ngành.

2. Đối với các chế độ báo cáo định kỳ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện theo quy định tại Điều 11, 12 của Quy định kèm theo Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với các chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với từng báo cáo cụ thể.

Điều 10. Vận hành Hệ thống

1. Hệ thống phải đảm bảo vận hành thường xuyên, liên tục, nhanh chóng, ổn định, dễ truy cập.

2. Triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn Hệ thống đáp ứng theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành của cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo các phương án ứng cứu, khắc phục sự cố.

3. Kế hoạch nâng cấp Hệ thống phải được thông báo cụ thể bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị có liên quan chậm nhất 24 giờ trước khi tiến hành.

Điều 11. Sử dụng Hệ thống

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện báo cáo phải thực hiện đầy đủ báo cáo điện tử trên Hệ thống, bao gồm: đề cương và biểu mẫu báo cáo, trừ trường hợp chỉ yêu cầu báo cáo theo đề cương hoặc chỉ thống kê theo biểu mẫu.

2. Định kỳ, đột xuất hoặc theo chuyên đề báo cáo, cán bộ, công chức, viên chức được cấp tài khoản sử dụng Hệ thống phải đăng nhập tài khoản vào Hệ thống để thực hiện báo cáo theo định dạng báo cáo đã được thiết lập.

3. Các tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản truy cập Hệ thống có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản đúng chức năng nhiệm vụ của mình; đảm bảo bảo mật thông tin tài khoản sau khi tiếp nhận.

4. Báo cáo trước khi được gửi đi phải được thực hiện ký số và việc gửi được thực hiện bằng thao tác trên Hệ thống, trừ trường hợp có yêu cầu gửi đồng thời báo cáo qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

5. Trường hợp Hệ thống có sự cố kỹ thuật dẫn tới không thể triển khai gửi, nhận báo cáo trong thời hạn quy định, việc gửi, nhận báo cáo được thực hiện bằng cách gửi văn bản điện tử thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ Hệ thống

1. Dữ liệu trên Hệ thống là thông tin chính thống, có giá trị pháp lý phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành và địa phương như thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội phục vụ yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Dữ liệu của Hệ thống chỉ được khai thác sử dụng vào mục đích công vụ; các ngành và địa phương hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sử dụng dữ liệu phải trích dẫn đầy đủ, chính xác nguồn số liệu từ Hệ thống.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này có quyền khai thác dữ liệu trên Hệ thống theo quy định; thực hiện cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin báo cáo theo quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin ngày 26 tháng 4 năm 2016.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ Hệ thống rà soát, công khai thông tin dữ liệu kịp thời (ngay sau khi

các ngành, địa phương hoàn thành báo cáo trên Hệ thống) trên trang giao diện hiển thị (Dashboard) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và nhu cầu tra cứu thông tin của cá nhân, tổ chức.

Điều 13. Lưu trữ báo cáo, thông tin, dữ liệu trên Hệ thống

Báo cáo, thông tin, dữ liệu trên Hệ thống được lưu trữ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định có liên quan của pháp luật về lưu trữ. Thời hạn lưu trữ tối thiểu bằng thời hạn lưu trữ báo cáo giấy.

Điều 14. Cung cấp thông tin kinh tế - xã hội hàng tháng lên Hệ thống

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Cục Thuế, Cục Thống kê, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam và các đơn vị liên quan kiểm tra, đối soát, tổng hợp, cung cấp thông tin kinh tế - xã hội hàng tháng của tỉnh lên Hệ thống trước ngày 18 hàng tháng để phục vụ chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Đánh giá, theo dõi tình hình, kết quả thực hiện báo cáo trên Hệ thống

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi tình hình, kết quả thực hiện chế độ báo cáo của các ngành, đơn vị, địa phương trên Hệ thống.
2. Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tình hình, kết quả thực hiện chế độ báo cáo của các ngành, đơn vị, địa phương trên Hệ thống để đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính hàng năm theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống theo các quy định tại Quy chế này.
2. Thực hiện thu thập, xử lý thông tin để phân tích, xử lý dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và liên thông dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.
3. Thực hiện cấp mới, xoá tài khoản người dùng, tài khoản quản trị của các đơn vị sử dụng Hệ thống.
4. Nghiên cứu, đề xuất phương án nâng cấp kịp thời để đáp ứng nhu cầu mở rộng, phát triển và sự hoạt động ổn định của Hệ thống khi cần thiết.

5. Theo dõi, rà soát, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế này và tổng hợp kết quả triển khai sử dụng Hệ thống của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương, các cơ quan liên quan thường xuyên rà soát các chế độ báo cáo để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện thiết lập kịp thời các biểu mẫu, định dạng chế độ báo cáo điện tử trên Hệ thống để tổ chức triển khai theo quy định.

7. Chỉ đạo Công Thông tin điện tử tỉnh chịu trách nhiệm về an toàn thông tin của Hệ thống, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực thi các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin Hệ thống theo phương án bảo đảm an toàn thông tin được phê duyệt định kỳ hàng năm hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan vận hành Hệ thống

1. Chịu trách nhiệm vận hành, duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục, nhanh chóng, ổn định, dễ truy cập, đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống.

2. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống lên Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Hệ thống thông tin khác của bộ, ngành khi có yêu cầu.

3. Triển khai các phương án quản lý rủi ro an toàn thông tin và phương án kết thúc vận hành, khai thác, thanh lý, huỷ bỏ hệ thống thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ và phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đề xuất đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thường xuyên sao lưu dữ liệu, không để mất dữ liệu khi sự cố xảy ra. Thực hiện rà soát, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về vận hành của Hệ thống theo yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện tạo lập, xoá, cập nhật tài khoản quản trị cho các đơn vị; hỗ trợ cán bộ quản trị các đơn vị trong việc tạo lập, xoá, cập nhật tài khoản người dùng.



6. Thực hiện thiết lập biểu mẫu, định dạng chế độ báo cáo lên Hệ thống:

a) Các chế độ báo cáo do Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương yêu cầu báo cáo trên Hệ thống: thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng việc hoàn thành thiết lập điện tử biểu mẫu, định dạng chế độ báo cáo không chậm hơn 05 ngày làm việc kể từ khi có yêu cầu.

b) Đối với các báo cáo định kỳ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật: hoàn thành thiết lập điện tử biểu mẫu, định dạng chế độ báo cáo trong thời gian 20 ngày kể từ khi danh sách các chế độ báo cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Đối với các chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng hoàn thành thiết lập điện tử biểu mẫu, định dạng chế độ báo cáo không chậm hơn 05 ngày làm việc kể từ khi có yêu cầu.

7. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật vận hành và đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống theo đúng trình tự, quy định của pháp luật; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi.

8. Định kỳ hàng năm, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thống kê, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn sử dụng Hệ thống.

9. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kịp thời nâng cấp, bổ sung, cập nhật Hệ thống theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

10. Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu, kiến nghị, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng Hệ thống và tổng hợp gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng Hệ thống

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của số liệu do đơn vị mình cung cấp, cập nhật trên Hệ thống.

2. Sử dụng chức năng của Hệ thống để thực hiện chế độ báo cáo được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

3. Tổ chức quản trị Hệ thống (theo phạm vi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc phân quyền) đảm bảo các quy định về an toàn, an ninh thông tin. Sử dụng tài khoản quản trị được cấp để phân quyền tham gia sử dụng Hệ thống cho các phòng, ban chuyên môn và cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Thường xuyên rà soát để chuyển đổi, đóng các tài khoản khi có sự thay đổi về nhân sự khai thác, sử dụng Hệ thống.

5. Thông báo cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ngay sau khi phát hiện Hệ thống có sai sót, sự cố kỹ thuật dẫn tới ảnh hưởng hoạt động hoặc an ninh, an toàn thông tin của Hệ thống.

Điều 20. Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng Hệ thống

1. Thông qua các tài khoản được lập, cập nhật trên Hệ thống để thực hiện nhập liệu, tổng hợp, duyệt các chế độ báo cáo hoặc quản trị Hệ thống theo vị trí, chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Quản lý tài khoản được cấp để thực hiện nhiệm vụ đúng quy trình, thời gian theo quy định; bảo mật thông tin tài khoản của cá nhân, thông tin của Hệ thống và thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đảm bảo an toàn máy tính của cá nhân khi tham gia vào quy trình nghiệp vụ của cơ quan, đơn vị trên Hệ thống.

Điều 21. Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hệ thống

Kinh phí đảm bảo duy trì, vận hành, an toàn an ninh thông tin cho hoạt động của Hệ thống được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước. Hàng năm, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí đảm bảo duy trì, vận hành, an toàn an ninh thông tin cho hoạt động Hệ thống, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, phát sinh, các ngành và địa phương, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.